

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 51/QĐ-SXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 28 tháng 2 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Thái Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 690/UBND-KTXD ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh V/v triển khai thực hiện các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình kèm theo quyết định này làm cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành có liên quan;
- UBND các huyện; thành phố;
- Các tổ chức tham gia HĐXD;
- Lưu: VP ; QLKT. *h*

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Xuân Hưng

PHỤ LỤC

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

Kèm theo Quyết định số 54/QĐ-SXD ngày 28/02/2020 của Sở Xây dựng v/v Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đ/ngc)	
		Khu vực I (Thành phố)	Khu vực II (Các huyện)
I	Công nhân xây dựng trực tiếp		
1	Nhóm 1	204.000	193.000
2	Nhóm 2	210.000	201.000
3	Nhóm 3	219.000	206.000
4	Nhóm 4	221.000	212.000
5	Nhóm 5	222.000	216.000
6	Nhóm 6	228.000	219.000
7	Nhóm 7	245.000	236.000
8	Nhóm 8	234.000	225.000
9	Nhóm 9	234.000	225.000
10	Nhóm 10	245.000	236.000
II	Kỹ sư khảo sát xây dựng, thí nghiệm vật liệu	246.000	237.000
III	Tư vấn xây dựng		
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	635.000	560.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn	486.000	402.000
3	Kỹ sư	343.000	285.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	297.000	251.000
IV	Nghệ nhân	527.000	500.000
V	Thuyền trưởng, thuyền phó	354.000	342.000
VI	Thủy thủ, thợ máy	296.000	280.000
VII	Thợ điều khiển tàu sông	336.000	321.000
VIII	Thợ điều khiển tàu biển	343.000	337.000
IX	Thợ lặn	510.000	493.000

- Nhóm nhân công xây dựng và nhóm nhân công tư vấn xây dựng được quy định tại Phụ lục số 2 và Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019.

- Đơn giá nhân công xây dựng tại bảng trên được công bố theo cấp bậc bình quân quy định tại Phụ lục số 6 Thông tư 15/TT-BXD ngày 26/12/2019. Việc quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư 15/TT-BXD ngày 26/12/2019.